

Bản án số: **99/2023/DS-ST**

Ngày: 26 – 9 – 2023.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Phong.

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST – DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh ngày 07/10/1967 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của **nguyên đơn:**

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre, là đại diện theo ủy quyền của **nguyên đơn**. (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 9 năm 2023).

- Bị đơn: 1. Bà Lê Thị G, sinh ngày 07/8/1978 (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 17/10/1997 (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/01/1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 19/9/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2023, đơn sửa đổi bổ sung đề ngày 17/7/2023, bản tự khai ngày 19/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Trong năm 2022 do có quan hệ quen biết, tin tưởng lẫn nhau nên tôi có cho bà G và chị T vay tiền nhiều lần, sau đó hai bên kết nợ lại theo giấy nhận tiền mặt không có đề ngày tháng năm, với số tiền nợ tổng cộng là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay hai bên thỏa thuận, nếu muốn lấy vốn phải cho hay trước một tháng; giấy nợ do chị T viết và bà G, chị T cùng ký tên nhận nợ. Cụ thể gồm các lần vay như sau:

Ngày 17/3/2022: Bà G, chị T vay 10.000.000 đồng;

Ngày 20/3/2022: Bà G, chị T vay 10.000.000 đồng;

Ngày 15/7/2022: Bà G, chị T vay 20.000.000 đồng;

Ngày 15/9/2022: Bà G, chị T vay 20.000.000 đồng;

Ngày 16/9/2022: Bà G, chị T vay 20.000.000 đồng;

Ngày 21/9/2022: Bà G, chị T vay 50.000.000 đồng.

Đến đầu tháng 11/2022, do có nhu cầu làm ăn nên tôi báo trước 01 tháng và có yêu cầu bà G, chị T trả lại số tiền nợ đã vay cho tôi, nhưng bà G và chị T không trả.

Nên nay tôi yêu cầu bà Lê Thị G và chị Nguyễn Thị Cẩm T cùng ông Nguyễn Văn K (chồng bà G), có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nợ vay vốn gốc là 130.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/12/2022 đến khi giải quyết xong vụ án và yêu cầu trả một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2023), tính tròn 09 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Nên:

$130.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 9.711.000 \text{ đồng}.$

Nên tổng cộng vốn và lãi là: $130.000.000 \text{ đồng} + 9.711.000 \text{ đồng} = \mathbf{139.711.000 \text{ đồng}}.$

Tại phiên Tòa: Bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị G và chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Bà G và chị T thống nhất với phần trình bày của bà H về nội dung vay tiền và số tiền còn nợ bà H là 130.000.000 đồng đến nay chưa trả. Việc vay tiền hai bên đúng là có làm 01 giấy nhận tiền mặt không có đề ngày tháng năm mà bà H đã nộp trong hồ sơ; chữ ký trong giấy đúng là của bà G và chị T ký tên.

Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất **15%/tháng**, đã đóng lãi cho đến tháng 10 năm 2022 (âm lịch) thì ngưng không trả lãi luôn cho đến nay và vốn chưa trả. Đối với số tiền lãi đã đóng được cho bà H thì bà G và chị T không nhớ nhưng nay số tiền lãi đã đóng, bà G và chị T cũng không có yêu cầu gì.

Mục đích vay tiền: Để choàng hui.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà G và chị T thừa nhận có vay và còn nợ bà H số tiền nợ vốn gốc là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, hoàn cảnh hiện đang khó khăn, vì ngoài việc nợ bà H thì gia đình còn nợ nhiều người khác, nên hàng tháng phải chia ra trả cho nhiều người. Vì vậy, xin bà H cho trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng hoặc bán được đất sẽ trả ngay một lần; về phần tiền lãi thì xin bớt hoặc không tính lãi suất. **Thời gian tính lãi thì thống nhất không có ý kiến gì.**

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông là chồng của bà G và là cha của cháu Tiên. Lúc đầu vợ ông vay tiền của bà H thì ông không biết, sau này khi bà H đến nhà đòi nợ thì ông mới biết có vay của bà H số tiền 130.000.000 đồng. Nay ông cũng đồng ý cùng vợ và con gái liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 130.000.000 đồng nhưng xin cho gia đình trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh thì hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin bà H cho trả phần tiền gốc mà không trả lãi.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà G, chị T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ vay 139.711.000 đồng, trong đó vốn gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là: 9.711.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Trong năm 2022 bà H có cho bà G, chị T vay tiền và hiện còn nợ 130.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà G, chị T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 130.000.000 đồng và tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận thông tin về nơi cư trú đề ngày 21/3/2023 của Công an xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Lê Thị G, chị Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn K có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Cả Nhỏ, xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

- Về nội dung:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà G, chị T và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 130.000.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy nhận tiền mặt của Lê Thị G và Nguyễn Thị Cẩm T không đề ngày tháng năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa bà H với bà G, chị T có giao dịch vay tiền với nhau từ năm 2022 và số nợ hiện bà G, chị T còn nợ bà H là 130.000.000 đồng.

Bà G, chị T thừa nhận có giao dịch vay tiền như bà H trình bày là đúng, số nợ hiện nay còn nợ bà H là 130.000.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là “*Giấy nhận tiền mặt của Lê Thị G và Nguyễn Thị Cẩm T không đề ngày tháng năm*”, đều được bà G, chị T thừa nhận chữ ký trong giấy là do bà G, chị T ký tên và chị T là người viết toàn bộ nội dung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Từ cơ sở trên, xác định được giữa bà H với bà G, chị T có quan hệ giao dịch vay tiền, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên được xem là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua Hợp đồng vay thấy rằng, bà G, chị T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho bà

H, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà G, chị T trả 130.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 463, 466, 469** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

- Bà H có yêu cầu bà G, chị T phải trả lãi suất của số tiền nợ vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/12/2022 đến khi giải quyết xong vụ án là ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2023), tính tròn 09 tháng, nên:

$$130.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 9.711.000 \text{ đồng}.$$

- Bà G, chị T xin bớt hoặc không tính lãi suất do hoàn cảnh đang khó khăn nhưng không được bà H đồng ý. Đối với tiền lãi đã đóng bà G, chị T không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mức lãi suất bà H yêu cầu 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của **Bộ luật dân sự năm 2015** và thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2023) được hai bên thống nhất, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Như vậy, tổng số vốn gốc và tiền lãi bà G, chị T có trách nhiệm trả cho bà H là: 139.711.000 đồng. Trong đó:

+ Vốn gốc: 130.000.000 đồng.

+ Tiền lãi: 9.711.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện bà G, chị T **không có yêu cầu tính** lại lãi suất đã đóng cho bà H, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả nợ: *Hội đồng xét xử xét thấy,* ông K thừa nhận lúc đầu bà G vay tiền của bà H thì ông không biết, sau này khi bà H đến nhà đòi nợ thì ông mới biết có vay của bà H số tiền 130.000.000 đồng. Nay ông cũng đồng ý cùng vợ và con gái liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 130.000.000 đồng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà G, chị T, ông K:

Bà G, chị T, ông K xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng hoặc khi nào bán được đất sẽ trả ngay 01 lần, vì hoàn cảnh gia đình đang khó khăn, nhưng bà H không đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy,* đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên bà G, chị T, ông K phải liên đới chịu án phí của số tiền 139.711.000 đồng là:

$$139.711.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.985.550 \text{ đồng}.$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 469; **khoản 2 Điều 468; Điều 288** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với bà Lê Thị G, chị Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn K về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Lê Thị G, chị Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền nợ vay là 139.711.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng). Trong đó:

+ Vốn gốc: 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

+ Tiền lãi: 9.711.000 đồng (Chín triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại **khoản 2 Điều 468** của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Bà Lê Thị G, chị Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 6.985.550 đồng (Sáu triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

4.2. Bà Huỳnh Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.357.900 đồng (Ba triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0007388 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

